TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1598**/2019/KDTM-ST
Ngày: 13/11/2019.
V/v Tranh chấp thành viên công ty

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Giáo

Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Nguyễn Thị Thanh Phương- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/10 và ngày 13/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLST-KDTM ngày 01/8/2018 về việc "Tranh chấp thành viên công ty" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3602/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 6432/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4292/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18/9/2019, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần L1
Địa chỉ: 1610 K1, Phường B1, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Ngọc M1; Địa chỉ: 14 L1, phường B2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền ngày 14/6/2018. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Bạch Th1- Luật sư của Công ty Luật TNHH Sao Th1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 96B-96C Đ1, Phường HS, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị đơn: Công ty Cổ phần Ph1
Địa chỉ: 161 L2, Phường T2, Quận Ph2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: ÔngZ, sinh năm 1976; Địa chỉ: 116B Ch1, phường Đ2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền ngày 07/9/2018. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Mai L2. Địa chỉ: 270B/10/22/5 K1, Phường S, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền công chứng số 15360 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng Công Chứng Quận M10, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Ông Nguyễn Thanh H1. Địa chỉ: 112 Đường B2, cư xá Đ3, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền công chứng số 16500 ngày 03/10/2018 tại Văn phòng Công Chứng Quận M10, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Công ty Cổ phần H3 (Tên cũ: Công ty Cổ phần T3). Địa chỉ: L14-08B, Lầu 14, Tòa nhà V1, 72 T4, phường B2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền ngày 18/9/2018.

Cùng người đại diện (1)+(2)+(3): ÔngZ, sinh năm: 1976; Địa chỉ: 116B Ch1, phường Đ2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

4/ Ông K2. Địa chỉ: 22 ngõ 87 phố Ng1, phường T5, Quận Tr1, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

- Nguyên đơn trình bày và tranh luận như sau:

Công ty Cổ phần L1 (Công ty L1) có mã số doanh nghiệp: 0300559014; Đăng ký lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 01/9/2016, nhận sáp nhập từ Công ty TNHH B4, được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV L1 (Theo Quyết định số 4171/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V/v chuyển Công ty L1 thành Công ty TNHH Một thành viên, và Quyết định số 12/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 V/v tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV L1 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh).

Công ty Cổ phần L1 là cổ đông sở hữu 1.240.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), tương đương 12.400.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Ph1 (Công ty Ph1) tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thư 4 ngày 19/12/2011 và Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Ph1.

Ngày 20/11/2017**,** bà Lê Thi Mai L2 là Tổng giám đốc Công ty Ph1 trên cơ sở Tờ trình số 01/TT/PTK ký ngày 17/11/2017 được Ông K2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị ký duyệt đã ký kết hợp đồng và thực hiện thanh toán **(**người ký với chức danh Kế toán trưởng là bà Phạm Thị Ngọc Th2) 7.000.000.000 đồng để mua 250.000 cổ phần Công ty Cổ phần T3 (Nay là Công ty Đầu tư và Dịch vụ H3) (Công ty H3, Công ty T3) tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCNCP với Ông Nguyễn Thanh H1.

Cùng ngày Công ty T3 đã ký Giấy xác nhận sở hữu cổ phần, theo đó xác nhận Công ty Ph1 là thành viên sở hữu 250.000 cổ phần, tổng giá trị theo mệnh giá 2.500.000.000 đồng (tỷ lệ 0,36% vốn điều lệ), và ghi tên Công ty Ph1 trong danh sách cổ đông công ty cùng với 03 thành viên cá nhân khác.

Điểm d khoản 25.2 Điều 25; điểm e khoản 32.2 và điểm b khoản 32.3 Điều 32 của Điều lệ Công ty Ph1 quy định: "Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: Quyết định đầu tư, hợp đồng, giao dịch hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty". Tại Báo cáo tài chính đến ngày 30/9/2017 tổng giá trị tài sản của Công ty Ph1 là 12.371.574.113 đồng. Số tiền mua cổ phần nêu trên chiếm 56,58% tổng giá trị tài sản của công ty nên phải thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Khoản 37.2 Điều 37 của Điều lệ Công ty CP Ph1 quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc

thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông".

Việc Ông K2 với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị không có đủ thẩm quyền để ký duyệt tờ trình số: 01/TT/PTK ngày 17/11/2017 của Bà Lê Thị Mai L2, và việc bà L2 căn cứ vào đó ký Hợp đồng mua cổ phần không thực hiện các thủ tục để thông qua Đại hội đồng cổ đông là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 135, điểm e khoản 2 Điều 149, điểm h khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp, điểm d khoản 25.2 Điều 25, điểm f khoản 36.2 Điều 36 Điều lệ Công ty.

Ngày 18/5/2018 ông D1 là thành viên ban kiểm soát có Văn bản số 01/BKS-PTK-2018; và ngày 21, 28/5/2018 Công ty L1 có Văn bản số 230/LT-TCKT và số 241/LT-TCKT nêu những sai phạm liên quan đến khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần Công ty T3, kiến nghị người có trách nhiệm phải thu hồi, điều chỉnh sổ sách kế toán (tại 31/12/2017) đúng quy định và cung cấp cùng hồ sơ liên quan để thẩm định giá trị Công ty Ph1 để thoái vốn theo nhu cầu các bên.

Yêu cầu triệu tập Ông K2 với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan để xác minh, làm rõ hành vi của ông K2 là đúng hay sai. Chữ ký duyệt trong tờ trình số:01/TT/PTK ngày 17/11/2017 có phải là chữ ký của ông K2 hay không.

Ông K2 và Bà Lê Thị Mai L2 đều phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HDCNCP ngày 20/11/2017 do vượt quá nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Nay nguyên đơn yêu cầu: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ngày 20/11/2017 giữa Ông Nguyễn Thanh H1 (Bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Ph1 (Bên nhận chuyển nhượng) vô hiệu. Bà Lê Thị Mai L2 và Ông Nguyễn Thanh H1 liên đới hoàn trả cho Công ty Ph1 7.000.00.000 đồng.

Ngoài ra khi mới thành lập Công ty Ph1 đã góp 2,4 tỷ đồng gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất, chiếm 40% vốn điều lệ. Thời điểm này, vốn điều lệ của Công ty Ph1 chỉ có 6 tỷ đồng. Sau đó, Công ty Ph1 đã tăng vốn điều lệ, các cổ đông đã góp thêm vốn, trong đó nguyên đơn cũng đã góp thêm vốn và sở hữu 1.240.000 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), tương đương 12.400.000.000 đồng, vẫn chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Ph1. Việc ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần xảy ra vào ngày 20/11/2017, cho đến thời điểm hiện tại thì Công ty L1 vẫn là cổ đông của Công ty Ph1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/12/2011 và được đăng trên cổng thông tin quốc gia. Đây là cơ sở pháp lý đầy đủ và duy nhất để chứng minh Công ty L1 có đủ tư cách để khởi kiện Công ty Ph1 và Bà Lê Thị Mai L2. Việc khởi kiện của Công ty L1 và quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hoàn toàn khác nhau. Việc bị đơn đề nghị xem xét lại tư cách cổ đông và phần trăm cổ phần của nguyên đơn tại Công ty Ph1 là không có cơ sở.

- Bị đơn là Công ty Cổ phần Ph1, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có Bà Lê Thị Mai L2, Ông Nguyễn Thanh H1 và Công ty Cổ phần H3 cùng do ÔngZ đại diện trình bày và tranh luận như sau:

Công ty Ph1 có mã số doanh nghiệp: 0305883896, đăng ký lần đầu ngày 29/7/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 14/11/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật Bà Lê Thị Mai L2 với chức danh Tổng giám đốc; Ông K2 là Chủ tịch Hội đồng

quản trị, kế toán trưởng là bà Trang Thị Thiên H5(Quyết định bổ nhiệm ngày 26/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Vốn điều lệ 31 tỷ đồng; Cổ đông sáng lập gồm: Công ty L1 Đà Nẵng, Công ty L1 Tiền Giang, Công ty L1 với số lượng cổ phần sở hữu 1.240.000.000 cổ phần, giá trị 12.400.000.000 đồng, chiếm 40% vốn Điều lệ Công ty Ph1.

Tên Cổ phần chuyển nhượng: Công ty Cổ phần H3 (tên cũ: Công ty Cổ phần Dịch vụ T3) có mã số doanh nghiệp: 0311656651, đăng ký lần đầu ngày 22/3/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 09/11/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Vốn điều lệ 700 tỷ đồng; Cổ đông gồm: Công ty Ph1 giữ 252.000 cổ phần (tỷ lệ 0,36%), bà Trần Thị Kiều T4 giữ 14.000.000 cổ phần (20%), bà Trần Thị Tường V1 giữ 21.448.000 cổ phần (30,64%), bà Phạm Thị Ngọc Th2 giữ 34.300.000 cổ phần (49%). (Ông Nguyễn Thanh H1 và Bà Lê Thị Mai L2 là những cổ đông sáng lập công ty thuở ban đầu).

Xác nhận việc bà Lê Thi Mai L2 là Tổng giám đốc Công ty Ph1 trên cơ sở Tờ trình số 01/TT/PTK ký ngày 17/11/2017 được Ông K2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị ký duyệt đã ký kết và thực hiện hoàn tất Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCNCP ngày 20/11/2017 với Ông Nguyễn Thanh H1 để mua 250.000 cổ phần Công ty Cổ phần T3 (Nay là Công ty Cổ phần H3; thanh toán cho Ông Nguyễn Thanh H1 7.000.000.000 đồng; và Giấy xác nhận sở hữu cổ phần, xác nhận tư cách thành viên với số lượng cổ phần sở hữu là 250.000 cổ phần của Công ty T3 như nguyên đơn trình bày là đúng.

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng trên, Bà Lê Thị Mai L2 với tư cách là Tổng giám đốc Công ty Ph1 có gửi Tờ trình số 01/TT/PTK ký ngày 17/11/2017 đến Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Ph1 và đã được duyệt thuận. Nhưng từ 26/6/2017 đến nay, Công ty Ph1 chưa tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên cũng như bất thường để được thông qua nội dung này là trái với Điều lệ Công ty (tổng giá trị tài sản của Công ty Ph1 tại thời điểm mua cổ phần theo Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 là 13.998.626.739 đồng). Đồng thời Ban kiểm soát được thành lập theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/6/2017 chưa làm hết trách nhiệm.

Tuy nhiên việc đầu tư mua cổ phần T3 không gây thiệt hại gì cho công ty. Nguyên đơn không chứng minh được Công ty Ph1 có thiệt hại gì. Nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng. Giữa Công ty Cổ phần L1 và Công ty Cổ phần Ph1 không có tranh chấp gì.

Công ty L1 chuyển giao Công ty Ph1 tài sản góp vốn là quyền thuê số 161 L2, Phường T2, Quận Ph2, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: 2.900.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất thuê; và 700.000.000 đồng giá trị công trình xây dựng trên đất, tỷ lệ 40% vốn điều lệ Công ty Ph1. (Theo văn bản số 124/TCT-HĐQT ngày 22/10/2008 của Tổng Công ty L1 Miền Nam). Qua thời gian sử dụng giá trị công trình xây dựng không còn nữa, đất thuê đã bị thu hồi (theo Quyết định số 323/QĐ-BTC ký ngày 12/03/2018 của Bộ Tài Chính, thu hồi: diện tích đất: 540,84 m^2, diện tích sàn sử dụng: 960 m^2). Việc Góp vốn bằng giá trị quyền thuê tài sản của Công ty L1 không còn nữa nên đề nghị xem xét lại tư cách cổ đông và phần trăm cổ phần tại Công ty Ph1 khi đứng tên là Nguyên đơn khởi kiện.

Ý kiến của kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng thủ tục pháp luật. Đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt không có lý do. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt: Ông K2 đã được triệu tập hợp lệ tại địa chỉ 22 ngõ 87 phố Ng1, phường T5, Quận Tr1, Thành phố Hà Nội và xét xử vắng mặt ông K2 theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần L1 (Công ty L1) theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018 và Đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2018 khởi kiện bị đơn là Công ty Cổ phần Ph1 (Công ty Ph1) với yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ngày 20/11/2017 do Bà Lê Thị Mai L2 với chức danh Tổng giám đốc đại diện Công ty Ph1 ký mua, Ông Nguyễn Thanh H1 ký bán vì trái điều lệ công ty và buộc các bên trong đó có bà L2 khắc phục hậu quả. Nên xác định là "Tranh chấp thành viên công ty" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xác định tư cách thành viên của Công ty Cổ phần L1 tại Công ty Cổ phần Ph1:

Công ty L1 là thành viên sở hữu 1.240.000.000 cổ phần, giá trị 12.400.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ (vốn điều lệ 31 tỷ đồng) theo sổ Chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 31/12/2008 của Công ty Ph1 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Ph1.

Việc ÔngZ là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị Mai L2, Ông Nguyễn Thanh H1 và Công ty Cổ phần H3 đề nghị xem xét lại tư cách cổ đông và phần trăm cổ phần của Công ty L1 tại Công ty Ph1 khi đứng tên là nguyên đơn khởi kiện nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ cụ thể chứng minh cho đề nghị của mình và phản đối chứng cứ chứng minh tư cách thành viên của Công ty L1 nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ngày 20/11/2017 giữa Công ty CP Ph1 (Bên mua) với Ông Nguyễn Thanh H1 (Bên bán).

Ngày 20/11/2017**,** bà Lê Thi Mai L2 là Tổng giám đốc Công ty Ph1 (Bên mua) trên cơ sở Tờ trình số 01/TT/PTK ký ngày 17/11/2017 được Ông K2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị ký duyệt đã ký kết hợp đồng với Ông Nguyễn Thanh H1 (Bên bán) để chuyển nhượng và thanh toán hoàn tất 250.000 cổ phần Công ty Cổ phần T3 (Công ty T3) với số tiền 7.000.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ông H1 đã nhận của Công ty Ph1 7.000.000.000 đồng (Gồm: 5.000.000.000 đồng ghi có tài khoản số 00253274001 tại ủy nhiệm chi ngày 19/10/2017 và 2.000.000.000 đồng ghi có tài khoản số 113497519 tại ủy nhiệm chi ngày 23/11/2017); Công ty Ph1 đã trở thành thành viên sở hữu 250.000 cổ phần Công ty T3

theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy xác nhận sở hữu cổ phần ngày 20/11/2017 của Công ty CP Dịch vụ T3).

Căn cứ điểm d khoản 25.2 Điều 25; điểm e khoản 32.2 và điểm b khoản 32.3 Điều 32 của Điều lệ Công ty Ph1, quy định: "Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: Quyết định đầu tư, hợp đồng, giao dịch hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Việc đầu tư mua cổ phần Công ty T3 của Công ty Ph1 lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty (Tổng giá trị tài sản của Công ty Ph1 theo Bảng cân đối kế toán là 12.371.574.113 đồng tại ngày 30/9/2017, và 13.998.626.739 đồng tại ngày 31/12/2017) không được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông là vi phạm Điều lệ công ty như trên.

Căn cứ Điều 162 Luật danh nghiệp năm 2014, Công ty Ph1 ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ngày 20/11/2017 trái Điều lệ công ty, không tuân thủ pháp luật doanh nghiệp, không hợp pháp, nên hợp đồng bị vô hiệu. Các bên phải khôi phục như ban đầu: Ông Nguyễn Thanh H1 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Ph1 7.000.00.000 đồng; Công ty Ph1 có trách nhiệm hoàn trả cho Ông Nguyễn Thanh H1 250.000 cổ phần T3. Bà Lê Thị Mai L2 với tư cách Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Ph1 có lỗi nên có trách nhiệm liên đới với Ông Nguyễn Thanh H1 trong việc thu hồi hoàn trả 7.000.00.000 đồng cho Công ty Ph1.

[5] Về ý kiến phản đối của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị Mai L2, Ông Nguyễn Thanh H1 và Công ty Cổ phần H3:

Đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị Mai L2, Ông Nguyễn Thanh H1 và Công ty Cổ phần H3 là ÔngZ cho rằng nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng; Công ty Ph1 không có thiệt hại; Nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp; Tài sản góp vốn của nguyên đơn không còn để từ đó xem xét lại tư cách cổ đông và phần trăm cổ phần tại Công ty Ph1 khi đứng đơn kiện là không có căn cứ như phân tích trên nên không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được chấp nhận toàn bộ.

[7] Án phí sơ thẩm 115.000.000 đồng Ông Nguyễn Thanh H1 và Bà Lê Thị Mai L2 liên đới chịu.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 3,4 Điều 162 Luật danh nghiệp năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần L1:

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ngày 20/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Ph1 và Ông Nguyễn Thanh H1 vô hiệu.

Công ty Cổ phần Ph1 hoàn trả cho Ông Nguyễn Thanh H1 250.000 cổ phần Công ty Cổ phần T3 (Nay là Công ty Cổ phần H3).

Ông Nguyễn Thanh H1 và Bà Lê Thị Mai L2 liên đới hoàn trả cho Công ty Cổ phần Ph1 7.000.00.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 115.000.000 đồng Ông Nguyễn Thanh H1 và Bà Lê Thị Mai L2 liên đới chịu.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần L1 57.500.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0049228 ngày 31/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà